

Bản án số: 409/2023/DS-ST
Ngày 06-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phú

2. Bà Phạm Thị Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 502/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N; Trụ sở: Đường L, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V– chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Lương Ngọc Quỳnh T, sinh năm 1995; ông Đinh Tấn H, sinh năm 1998 (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bạch T1, sinh năm 1984 – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Hãng Luật T1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

Bị đơn: Ông Đỗ Minh Q, sinh năm 1957; địa chỉ: Đường S, Phường M, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị Mộng T2, sinh năm 1962, địa chỉ: Đường S, Phường M, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, có người đại diện hợp pháp là bà Hồ Thị Mộng T3, sinh năm 1970, địa chỉ: Đường D, Phường L, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng N do bà Lương Ngọc Quỳnh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/9/2009, Ngân hàng N và ông Đỗ Minh Q đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374 với nội dung cho ông Q vay 4.000 chỉ vàng để mua nhà, lãi suất cho vay 7.5%/năm, thời hạn vay 36 tháng. Sau khi vay, ông Q đã thanh toán 1.300 chỉ, còn nợ 2.700 chỉ, nợ lãi 228 chỉ vàng SJC.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà Hồ Thị Mộng T2 và ông Đỗ Minh Q đã ký Hợp đồng thế chấp số 1900-LCP-2009 ngày 06/01/2010 thế chấp tài sản là nhà và quyền sử dụng đất địa chỉ Đường S, Phường M, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 4361/GP-UB do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 04/8/1992, cập nhật đăng bộ ngày 23/4/2004 và Hợp đồng mua bán số 01362/HĐ-MBN ngày 11/7/2002 (được cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CHO1142 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 05/10/2020).

Ngày 10/11/2011, Ngân hàng N và ông Đỗ Minh Q đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201100717/HĐTD với nội dung cho ông Q vay số tiền 12.334.000.000 đồng để chuyển đổi dư nợ từ vay vàng sang VNĐ, lãi suất cho vay 19.5%/năm, thời hạn vay 12 tháng, ông Q đã ký 3 giấy nhận nợ: ngày 16/11/2011 nhận nợ 7.857.400.000 đồng; ngày 21/11/2011 nhận nợ 3.659.200.000 đồng; ngày 24/5/2013 nhận nợ 817.400.000 đồng.

Do ông Đỗ Minh Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Minh Q thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/7/2023 là 49.873.419.816 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374 ngày 25/9/2009: lãi trong hạn là 223,945 chỉ vàng SJC tương đương 1.493.715.373 đồng, lãi quá hạn 4,261 chỉ vàng SJC tương đương 28.420.129 đồng, tổng cộng: 228,206 chỉ vàng SJC tương đương 1.522.135.502 đồng (theo tỷ giá vàng SJC TP.HCM ngày 03/7/2023 là 6.670.000 đồng/chỉ vàng).

- Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374/PLHĐ02 ngày 15/3/2013: Nợ gốc là 817.400.000 đồng, lãi trong hạn là 838.970.278 đồng, nợ lãi quá hạn: 274.964.278 đồng, tổng cộng: 1.931.334.556 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201100717/HĐTD ngày 10/11/2011: Nợ gốc là 11.516.600.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 26.502.262.583 đồng, nợ lãi quá hạn: 8.401.087.175 đồng, tổng cộng: 46.419.949.758 đồng.

Yêu cầu ông Q thanh toán số tiền trên ngay sau khi có bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi sẽ tiếp tục tính kể từ ngày 06/7/2023 theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Q trả hết toàn bộ số tiền nợ trên. Trường hợp ông Q không trả được nợ, đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Đường S, Phường M,

quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Q và bà T2 để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Đỗ Minh Q trình bày: Ông đồng ý trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374/PLHĐ02 ngày 15/3/2013 số tiền nợ gốc là 817.400.000 đồng, lãi trong hạn là 838.970.278 đồng, nợ lãi quá hạn: 274.964.278 đồng, tổng cộng: 1.931.334.556 đồng; theo Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201100717/HĐTD ngày 10/11/2011 nợ gốc là 11.516.600.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 26.502.262.583 đồng, nợ lãi quá hạn: 8.401.087.175 đồng, tổng cộng: 46.419.949.758 đồng.

Về khoản lãi vàng SJC theo Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374 ngày 25/9/2009, ông đề nghị Ngân hàng N quy đổi lãi vàng theo tỷ giá vàng vào thời điểm tháng 11/2011.

Đề nghị Ngân hàng N miễn giảm lãi và cho ông thời gian thanh toán từ 06 đến 09 tháng để bán nhà trả nợ, trường hợp sau thời gian đó ông không trả được nợ, ông đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là nhà đất tại địa chỉ: Đường S, Phường M, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông và bà T2 để trả nợ cho Ngân hàng N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Mộng T2 có người đại diện hợp pháp là bà Hồ Thị Mộng T3 trình bày:

Bà Hồ Thị Mộng T2 và ông Đỗ Minh Q đã ký hợp đồng thế chấp số 1900-LCP-2009 ngày 06/01/2010 thế chấp tài sản là nhà và quyền sử dụng đất địa chỉ Đường S, Phường M, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo khoản vay của ông Đỗ Minh Q. Nay ngân hàng khởi kiện, trường hợp ông Q không trả được nợ thì bà T2 đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ Đường S, Phường M, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh để trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn Ngân hàng N do bà Lương Ngọc Quỳnh T và ông ông Đinh Tấn H là người đại diện theo ủy quyền cùng trình bày: Ngân hàng N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu ông Đỗ Minh Q thanh toán tiền lãi quá hạn đối với Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201100717/HĐTD ngày 10/11/2011 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374/PLHĐ02 ngày 15/5/2013. Yêu cầu ông Đỗ Minh Q phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/9/2023 là 21.003.359.515 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374 ngày 25/9/2009: lãi trong hạn và lãi quá hạn tổng cộng 228 chỉ vàng SJC tương đương 1.551.540.000 đồng (theo tỷ giá vàng SJC TPHCM ngày 05/9/2023 là 6.805.000 đồng/chỉ vàng).

- Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374/PLHĐ02 ngày 15/5/2013: Nợ gốc là 817.400.000 đồng, lãi trong hạn là 414.691.542 đồng, tổng cộng 1.232.091.542 đồng, theo mức lãi suất được ngân hàng áp dụng là 4,86%.

- Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201100717/HĐTD ngày 10/11/2011: Nợ gốc là 11.516.600.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 6.703.127.973 đồng, tổng cộng: 18.219.727.973 đồng, theo mức lãi suất được ngân hàng áp dụng là 4,86%.

Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi sẽ tiếp tục tính kể từ ngày 07/9/2023 theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Q trả hết toàn bộ số tiền nợ trên. Trường hợp ông Q không trả được nợ, đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là nhà đất tại địa chỉ Đường S, Phường M, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Đỗ Minh Q và bà Hồ Thị Mộng T2 để thu hồi nợ.

Bị đơn là ông Đỗ Minh Q trình bày: Ông đồng ý trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng tuy nhiên do điều kiện ông hiện nay gặp khó khăn nên đề nghị ngân hàng tính tỷ giá vàng thời điểm năm 2011 khi quy đổi từ vàng sang VNĐ, đề nghị miễn, giảm lãi cho ông mức tối đa có thể để tạo điều kiện cho ông trả nợ. Khi không thanh toán được nợ ông đồng ý giao tài sản thế chấp để ngân hàng xử lý thu hồi nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Mộng T2 có người đại diện theo ủy quyền là bà Hồ Thị Mộng T3 có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn do Nguyên đơn rút yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi quá hạn đối với Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201100717/HĐTD ngày 10/11/2011 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374/PLHĐ02 ngày 15/5/2013;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201100717/HĐTD ngày 10/11/2011: Nợ gốc là 11.516.600.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 6.703.127.973 đồng, tổng cộng: 18.219.727.973 đồng và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374/PLHĐ02 ngày 15/3/2013: Nợ gốc là 817.400.000 đồng, lãi trong hạn là 414.691.542 đồng, tổng cộng 1.232.091.542 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán đối với Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374 ngày 25/9/2009 nợ lãi là 228 chỉ vàng SJC, Nguyên đơn áp dụng theo tỷ giá vàng SJC Thành phố Hồ Chí Minh

ngày 05/9/2023 là 6.805.000 đồng/chỉ là bất lợi cho Bị đơn, đề nghị áp dụng tỷ giá vàng SJC năm 2011.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với Bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

- Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Ngân hàng N do bà Lương Ngọc Quỳnh T và ông Đinh Tấn H là người đại diện theo ủy quyền có mặt. Bị đơn ông Đỗ Minh Q có mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bạch T1 có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Mộng T2 có người đại diện theo ủy quyền là bà Hồ Thị Mộng T3 có đơn xin vắng mặt.

Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là không yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi quá hạn đối với Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201100717/HĐTD ngày 10/11/2011 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374/PLHĐ02 ngày 15/5/2013. Xét thấy việc Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2.2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán tiền tính đến ngày 06/9/2023 là 21.003.359.515 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ hợp đồng cấp tín dụng số 1900-LAV-200901374 ngày 25/9/2009 và Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201100717/HĐTD ngày 10/11/2011, Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374/PLHĐ02 ngày 15/3/2013 Ngân hàng N và ông Đỗ Minh Q đã ký kết thì giữa Nguyên đơn và Bị đơn đã giao kết hợp đồng vay tài sản.

Căn cứ bảng kê chi tiết gốc lãi do Nguyên đơn cung cấp thì Bị đơn còn nợ nguyên đơn tính đến ngày 06/9/2023 tổng cộng 21.003.359.515 đồng, cụ thể :

- Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374/PLHĐ02 ngày 15/3/2013: Nợ gốc là 817.400.000 đồng, lãi trong hạn là 414.691.542 đồng, tổng cộng 1.232.091.542 đồng. Tại phiên tòa Nguyên đơn điều chỉnh lãi suất là 4,86% là có lợi cho Bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201100717/HĐTD ngày 10/11/2011: Nợ gốc là 11.516.600.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 6.703.127.973 đồng, tổng cộng: 18.219.727.973 đồng. Tại phiên tòa Nguyên đơn điều chỉnh lãi suất là 4,86% là có lợi cho Bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374 ngày 25/9/2009 gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn, tổng cộng 228 chỉ vàng SJC tương đương 1.551.540.000 đồng (theo tỷ giá vàng SJC TPHCM ngày 05/9/2023 là 6.805.000 đồng/chỉ). Tại phiên tòa, Bị đơn đồng ý thanh toán số lãi vàng 228 chỉ nhưng yêu cầu được áp dụng tỷ giá vàng thời điểm ngân hàng chuyển đổi dư nợ vàng sang VNĐ là năm 2011 (4.622.000 đồng/chỉ). Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Công văn số 1889/NHNN-QLNH ngày 21/3/2013 về việc chấp hành quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng; tại Khoản 2 Công văn số 1889/NHNN – QLNH ngày 21/3/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định “.... đối với các khoản cho vay vốn bằng vàng, đề nghị các TCTD áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi các khoản cho vay hoặc thuyết phục khách hàng chuyển đổi dư nợ cho vay vàng sang VNĐ, không được gia hạn các khoản cho vay vốn bằng vàng nhằm khẩn trương tắt toán số dư huy động và cho vay vốn bằng vàng theo quy định tại Thông tư 12/2012/TT-NHNN”. Thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Ngân hàng N đã thực hiện chuyển đổi dư nợ cho vay vàng sang VNĐ. Tuy nhiên, tại thời điểm chuyển đổi dư nợ vàng của ông Đỗ Minh Q (10/11/2011) thì ngân hàng chỉ chuyển đổi phần nợ gốc vàng sang VNĐ mà không chuyển đổi phần nợ lãi vàng sang VNĐ. Nay Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán số lãi vàng 228 chỉ vàng SJC là có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên việc Nguyên đơn yêu cầu áp dụng tỷ giá vàng tại thời điểm ngày 05/9/2023 là không phù hợp với quy định và bất lợi cho Bị đơn nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng tỷ giá vàng SJC tại thời điểm hai bên chuyển đổi dư nợ vàng sang VNĐ vào tháng 11/2011 theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, cụ thể: 228 chỉ SJC x 4.622.000 đồng = 1.053.816.000 đồng.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Nguyên đơn khởi kiện, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự để xác định Bị đơn còn thiếu Nguyên đơn số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/9/2023 là 20.505.635.515 đồng.

- Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn số tiền nợ còn thiếu tổng cộng là 20.505.635.515 đồng.

Ngoài số tiền trên, Bị đơn còn phải thanh toán cho Nguyên đơn tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính từ ngày 07/9/2023 cho đến khi trả hết nợ.

[2.3] Xét Nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là nhà và đất tọa lạc tại Đường S, Phường M, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh trong trường hợp Bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ hợp đồng thế chấp số 1900-LCP-2009 ngày 06/01/2010 ông Đỗ Minh Q và bà Hồ Thị Mộng T2 thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Đường S, Phường M, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 4361/GP-UB do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 04/8/1992, cập nhật đăng bộ ngày 23/4/2004 và Hợp đồng mua bán số 01362/HĐ-MBN ngày 11/7/2002 để bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374 ngày 25/9/2009 Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201100717/HĐTD ngày 10/11/2011, Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374/PLHĐ02 ngày 15/3/2013.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà Bị đơn đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Nguyên đơn. Trong trường hợp Bị đơn không thực hiện thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ thì Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý phát mãi tài sản là nhà và đất tọa lạc tại Đường S, Phường M, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CHO1142 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 05/10/2020). Nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ phù hợp với thỏa thuận theo Điều 3, Điều 4 của Hợp đồng thế chấp số 1900-LCP-2009 ngày 06/01/2010 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nếu sau khi phát mãi tài sản mà giá trị phát mãi nhỏ hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của Bị đơn thì Bị đơn có trách nhiệm tiếp tục trả cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp nếu sau khi phát mãi tài sản mà giá trị phát mãi lớn hơn nghĩa vụ thanh toán của Bị đơn thì Nguyên đơn phải hoàn trả phần giá trị còn lại cho Bị đơn.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ

phí Tòa án, Bị đơn là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận. Hoàn phần tạm ứng án phí đã nộp còn lại cho Nguyên đơn.

[5] Chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng, do Nguyên đơn đã nộp và tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 299, 317, 318, 320, 321, 323, 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng N về yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi quá hạn đối với Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201100717/HĐTD ngày 10/11/2011 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374/PLHĐ02 ngày 15/5/2013 do Nguyên đơn rút yêu cầu, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng N về việc yêu cầu áp dụng tỷ giá vàng SJC Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/9/2023 là 6.805.000 đồng/chỉ.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của Nguyên đơn Ngân hàng N :

Bị đơn ông Đỗ Minh Q có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/9/2023 là 20.505.635.515 (Hai mươi tỷ năm trăm lẻ năm triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn năm trăm mười lăm) đồng, gồm các khoản sau :

- Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374/PLHĐ02 ngày 15/3/2013: Nợ gốc là 817.400.000 đồng, lãi trong hạn là 414.691.542 đồng, tổng cộng: 1.232.091.542 (Một tỷ hai trăm ba mươi hai triệu không trăm chín mươi một ngàn năm trăm bốn mươi hai) đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201100717/HĐTD ngày 10/11/2011: Nợ gốc là 11.516.600.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 6.703.127.973 đồng, tổng cộng:

18.219.727.973 (Mười tám tỷ hai trăm mười chín triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn chín trăm bảy mươi ba) đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901374 ngày 25/9/2009: nợ lãi 228 chỉ vàng SJC x 4.622.000 đồng (tỷ giá chuyển đổi dư nợ vàng tại thời điểm tháng 11/2011) = 1.053.816.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi ba triệu tám trăm mười sáu ngàn) đồng.

Thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 07/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Khi ông Bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Nguyên đơn có trách nhiệm giải chấp tài sản đảm bảo và trả lại các giấy tờ liên quan cho ông Đỗ Minh Q và bà Hồ Thị Mộng T2.

Trường hợp Bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo là nhà và đất tọa lạc tại số Đường S, Phường M, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CHO1142 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 05/10/2020) để thu hồi nợ.

Nếu sau khi phát mãi tài sản mà giá trị phát mãi nhỏ hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của Bị đơn thì Bị đơn có trách nhiệm tiếp tục trả cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp nếu sau khi phát mãi tài sản mà giá trị phát mãi lớn hơn nghĩa vụ thanh toán của Bị đơn thì Nguyên đơn phải hoàn trả phần giá trị còn lại cho Bị đơn.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn được miễn án phí theo quy định.

Nguyên đơn phải chịu án phí 23.908.960 (Hai mươi ba triệu chín trăm lẻ tám ngàn chín trăm sáu mươi) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 64.203.518 (Sáu mươi bốn triệu hai trăm lẻ ba ngàn năm trăm mười tám) đồng. Hoàn lại cho Nguyên đơn số tiền 40.294.558 (Bốn mươi triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm năm mươi tám) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012195 ngày 24/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 (Ba triệu) đồng, do Nguyên đơn đã nộp và tự nguyện chịu.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án

hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND QTB;
- Chi cục THADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Tâm